

Số: *121*/BC-KHCN

Bắc Giang, ngày *12* tháng 11 năm 2010

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2010

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2011

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2010, thực hiện kế hoạch và chương trình công tác, Sở KH&CN đã kiện toàn tổ chức bộ máy các phòng, đơn vị thuộc Sở, phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ, quy định về công tác thi đua khen thưởng của Sở và của các đơn vị trực thuộc tiếp tục được thực hiện và phát huy hiệu quả tốt. Công tác tham mưu, tư vấn; quản lý các đề tài dự án KH&CN; quản lý công nghệ; sở hữu trí tuệ; kế hoạch-tài chính... thu được nhiều kết quả. Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh họp 01 phiên, trong đó đã tư vấn đề Giám đốc Sở KH&CN trình Chủ tịch UBND tỉnh danh mục 16 đề tài, dự án KH&CN thực hiện năm 2011.

Về công tác tổ chức bộ máy: Hiện tại bộ máy của Sở KH&CN gồm: Giám đốc, 3 phó giám đốc, 7 phòng và 3 đơn vị trực thuộc, tổng số cán bộ CCVC của Sở gồm 81 người, trong đó 60 cán bộ chính thức trong biên chế và 21 lao động hợp đồng (5 hợp đồng theo Nghị định 68). Về trình độ chuyên môn, có 9 thạc sỹ, 51 đại học, 8 cao đẳng, còn lại có trình độ trung cấp và công nhân kỹ thuật. Đã luân chuyển, bổ nhiệm, điều động cán bộ lãnh đạo cấp phòng và tương đương 3 đồng chí; tuyển dụng và tiếp nhận 6 công chức, hoàn thiện hồ sơ chuyển công tác cho 2 cán bộ; tổ chức rà soát và bổ sung quy hoạch cán bộ thuộc đối tượng A2, A3 của Sở. Tổ chức theo phương thức mới để tuyển chọn lãnh đạo 2 đơn vị sự nghiệp của Sở (Giám đốc, phó giám đốc Trung tâm ứng dụng Tiến bộ KH&CN; phó giám đốc Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN).

Các tổ chức chính trị và chính trị xã hội gồm: Chi bộ Đảng (30 đồng chí), Công đoàn, Chi đoàn Thanh niên cộng sản HCM, Hội cựu chiến binh và Tiểu đội dân quân tự vệ duy trì hoạt động tốt. Công tác tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN ở các huyện từng bước được ổn định, nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN được thực hiện và có khả năng nhân rộng. Đã có 14 ngành của tỉnh thành lập Hội đồng KH&CN, xây dựng quy chế và duy trì hoạt động (tăng 3 Hội đồng so với năm 2009).

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 nhằm hỗ trợ cải cách hành chính trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh tiếp tục được thực hiện. Sở KH&CN với chức năng là cơ quan Thường trực của Ban chỉ đạo áp dụng Hệ thống ISO của tỉnh đã tổ chức hội nghị hướng dẫn và

kiểm tra, đánh giá tại một số cơ quan đã áp dụng Hệ thống ISO 9001:2000, đến nay đã có 17 cơ quan nhà nước và 37 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa” của Sở KH&CN tiếp tục được duy trì hoạt động với các nội dung gồm: Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; thẩm định công nghệ các dự án đầu tư; cấp giấy xác nhận hợp đồng chuyển giao công nghệ; cấp giấy phép hoạt động KH&CN; cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tia X trong y tế... Tuy nhiên, do đặc thù công việc nên số lượng các nhiệm vụ được triển khai thực hiện theo cơ chế “một cửa” chưa nhiều.

Trang thông tin điện tử của Sở trên mạng Internet được thường xuyên cập nhật dữ liệu; phần mềm tin học Netoffice được vận hành đã phát huy hiệu quả trong việc điều hành quản lý công việc qua hệ thống máy tính nối mạng của Sở.

Dự án xây dựng công trình Trung tâm ứng dụng Tiên bộ KH&CN tại thôn Tiên Đình, xã Quế Nham, huyện Tân Yên với diện tích 2 ha đã được triển khai thực hiện; dự án xây dựng Trung tâm Tin học và Thông tin đã được phê duyệt để triển khai thực hiện từ năm 2011.

Công tác phối hợp với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu ở trung ương, các ngành ở tỉnh nhằm đẩy mạnh hoạt động KH&CN thu được nhiều kết quả tốt, đã tổ chức ký kết chương trình phối hợp giữa Sở KH&CN với Tỉnh đoàn thanh niên, Trường Chính trị tỉnh; tổ chức họp đánh giá kết quả phối hợp với ngành Công Thương, Hội nông dân tỉnh, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Sở KH&CN đã tham mưu với UBND tỉnh để phối hợp với Bộ KH&CN tổ chức thành công Hội nghị giao ban KH&CN 14 tỉnh miền núi phía Bắc lần thứ XIII tại Bắc Giang, và được nhận cờ thi đua của Bộ KH&CN.

Kết quả công tác cụ thể năm 2010 và phương hướng, nhiệm vụ hoạt động khoa học và công nghệ năm 2011, như sau:

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC KH&CN NĂM 2010

1. Công tác tham mưu, tư vấn

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu lực quản lý nhà nước về KH&CN, hướng tới hoàn thiện hệ thống các văn bản áp dụng pháp luật KH&CN trên địa bàn tỉnh, Sở KH&CN đã chủ động phối hợp với các ban, ngành liên quan tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt và ban hành các văn bản về KH&CN, gồm:

- Quyết định số 46/2010/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của UBND tỉnh Quy định về quản lý chỉ dẫn địa lý thuộc tỉnh Bắc Giang.

- Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của UBND tỉnh ban hành quy định tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (thay thế quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 09/4/2007)

- Quyết định số 48/2010/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục TCĐLCL thuộc Sở Khoa học và Công nghệ

- Quyết định số 112/2010/QĐ-UBND ngày 20/9/2010 của UBND tỉnh ban hành quy định về thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư và quản lý chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác quản lý các đề tài, dự án KH&CN

Năm 2010, trên địa bàn tỉnh có 6 dự án KH&CN cấp nhà nước, 16 đề tài, dự án cấp tỉnh 81 mô hình, đề tài, dự án cấp cơ sở được phê duyệt để triển khai thực hiện. Đã có 11 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh kết thúc thời hạn thực hiện được tổ chức nghiệm thu và công bố kết quả trên tạp chí KH&CN của ngành, trang thông tin điện tử của ngành, trong đó 8 đề tài đạt loại khá, 3 đề tài đạt yêu cầu. Sở KH&CN; tổ chức kiểm tra tiến độ và đánh giá trước nghiệm thu cho trên 50 lượt đề tài, dự án. Kết quả triển khai các đề tài, dự án trên các lĩnh vực như sau:

- Trong sản xuất nông nghiệp-PTNT:

Các đề tài, dự án đã được nghiệm thu, năm 2010 được triển khai nhân rộng và đem lại hiệu quả tốt như: Dự án thâm canh tăng năng suất lúa theo phương pháp SRI tại huyện Yên Dũng: từ diện tích ban đầu có quy mô 440 ha, đến nay đã mở rộng trên 4.500ha tại các huyện Yên Dũng, Lạng Giang, Tân Yên... với các giống như: KD18, Q5, NW838, HT số 1... Năng suất lúa bình quân tăng trên 20% so với kỹ thuật canh tác thông thường, đồng thời giảm công cấy, giảm giống, giảm thuốc bảo vệ thực vật. Dự án sản xuất vải thiều thực hiện chỉ dẫn địa lý gắn với canh tác theo tiêu chuẩn VIETGAP ở Lục Ngạn: từ diện tích 150 ha thử nghiệm đến nay đã nhân rộng đạt trên 4.000 ha. Vải thiều sản xuất theo tiêu chuẩn VIETGAP có màu sắc đẹp, quả mọng, không bị sâu cuống, giá thành cao, trung bình đạt 17,5 nghìn đồng/kg, trong khi đó các loại vải khác canh tác theo phương pháp thông thường có giá trung bình 13,5 nghìn đồng/kg.

Một số đề tài, dự án được triển khai nghiên cứu - ứng dụng bước đầu phát huy được hiệu quả tốt, đem lại thu nhập cao, như: Nghiên cứu kỹ thuật sinh sản nhân tạo và xây dựng mô hình nuôi cá Anh Vũ trong điều kiện tỉnh Bắc Giang; ứng dụng khoa học và công nghệ nuôi cá Tầm thương phẩm tại Bắc Giang; nghiên cứu công thức luân canh, kỹ thuật thâm canh, xây dựng các mô hình cơ cấu cây trồng hợp lý cho hiệu quả kinh tế cao nhằm quy hoạch cây hàng hóa trên địa bàn tỉnh; ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang; thực trạng và các giải pháp thúc đẩy nhân rộng các mô hình kinh tế trang trại, mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, trong năm 2010 nhiều tiến bộ kỹ thuật khác trong lĩnh vực nông nghiệp- PTNT được triển khai áp dụng đem lại hiệu quả tốt, như: chăn nuôi gà thịt an toàn sinh học theo hướng VietGhah; kỹ thuật nuôi lợn rừng sinh sản và thương phẩm, nuôi chim bồ câu lai, gà thả đồi; nuôi cá điêu hồng, cá lăng chấm, cá rô đồng,... Các mô hình trồng hoa chất lượng cao như: hoa ly, hoa lay-ơn, hoa cúc; trồng rau chế biến như: dưa bao tử, cà chua bi, ớt; sản xuất nấm ăn; sử dụng thuốc sâu sinh học, chế phẩm EMINA trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ môi trường đã đem lại kết quả tốt. Thông qua việc triển khai thực hiện các đề tài, dự án và mô hình ứng dụng KH&CN đã có hàng ngàn lượt người dân được tập huấn, tiếp thu

những kiến thức mới về khoa học kỹ thuật để ứng dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế ở gia đình, địa phương, đơn vị mình, góp phần xoá đói, giảm nghèo và làm giàu.

Trung tâm ứng dụng Tiến bộ KH&CN triển khai thực hiện 12 mô hình ứng dụng chuyên giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, như: nuôi gà đen, cá rô đầu vuông, nuôi dê; trồng thử nghiệm dưa hấu ruột vàng, hoa chất lượng cao, khoai lang giống mới. Tổ chức nhân rộng các mô hình như: ứng dụng chế phẩm Vixuara sản xuất phân hữu cơ từ rơm rạ; xử lý nước sinh hoạt nhiễm sắt bằng công nghệ lọc ngược; thử nghiệm chế phẩm giữ ẩm cho đất AMS-1 trên cây ngô, dưa hấu... Triển khai thực hiện dự án sản xuất rau an toàn; dự án sản xuất cà chua lai HT 144. Phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức 50 lớp tập huấn khoa học kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi, sử dụng chế phẩm sinh học cho hơn 3.000 lượt người tham gia.

- *Trong lĩnh vực công nghiệp TTCN và phát triển ngành nghề nông thôn:* Các hoạt động nghiên cứu-ứng dụng KH&CN được triển khai thực hiện đã phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng hạ giá thành sản phẩm, một số đề tài, dự án tiêu biểu được nhân rộng có hiệu quả, như: Dự án sản xuất gạch không nung (gạch xi măng) tại Công ty CP Xi măng Sông Cầu, sau thời gian thực hiện đã sản xuất được 2,15 triệu viên gạch không nung đạt tiêu chuẩn TCVN 6477-1999 về gạch bê-ton, sản phẩm có tính cạnh tranh cao, kích thước chủng loại đa dạng; dự án đã góp phần giải quyết việc làm cho 20 người, cải thiện môi trường, bảo vệ quỹ đất.

Ngoài ra còn các dự án khác bước đầu triển khai và đạt kết quả tốt như: Nghiên cứu chế tạo máy nạo vét cống ngầm phục vụ thoát nước ngập ở thành phố Bắc Giang; Phát triển cơ giới hóa một số khâu trong canh tác lúa, ngô tại các huyện miền núi trong tỉnh; Nghiên cứu ứng dụng đèn sử dụng kết hợp năng lượng gió và năng lượng mặt trời; Nghiên cứu cải tạo và nâng cấp lò tôi cao tần để tôi, ram vật liệu và xử lý nhiệt vật liệu.

- *Trong lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá- xã hội:* Thông qua các hoạt động điều tra, nghiên cứu các đề tài, dự án đã góp phần đưa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống và tiếp tục làm rõ hơn cơ sở khoa học phục vụ cho công tác quản lý của các cơ quan, ban ngành của tỉnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Các đề tài bước đầu được đánh giá có hiệu quả như: Điều tra nghiên cứu trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội thời Lý - Trần qua di chỉ Cầu Từ và các di tích liên quan ở tỉnh Bắc Giang; ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng thư viện điện tử tỉnh Bắc Giang; xây dựng mô hình cung cấp thông tin khoa học và công nghệ từ tỉnh đến xã nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các giải pháp giảm tỷ lệ tử vong trẻ em trong 24 giờ đầu nhập viện; các giải pháp tăng cường hiệu quả sử dụng các biện pháp tránh thai...

2.2. Đối với các đề tài, dự án KH&CN cấp Nhà nước:

Được sự quan tâm của Bộ KH&CN, năm 2010 đã có 8 dự án KH&CN cấp nhà nước thuộc Chương trình phát triển kinh tế – xã hội nông thôn miền núi giai

đoạn 2004 – 2010 và Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (Chương trình 68) được phê duyệt và đang triển khai trên địa bàn tỉnh, gồm:

- Dự án Xây dựng mô hình sản xuất giống nấm và nấm hàng hoá có năng suất, chất lượng cao và bảo quản, chế biến nấm tại tỉnh Bắc Giang. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Sự nghiệp khoa học Trung ương là 2,05 tỷ đồng, thực hiện từ tháng 4/2009 đến tháng 3/2011.

- Dự án Xây dựng mô hình ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ trong nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, trồng cỏ nuôi bò, nuôi lợn thịt theo hướng công nghiệp tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

- Dự án Nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để nuôi cá Lăng Chấm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Dự án Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất rau quả (cà chua, dưa chuột bao tử, na) phục vụ tiêu dùng trong tỉnh và chế biến nông sản xuất khẩu tại Lục Nam tỉnh Bắc Giang;

- Dự án Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống vô tính, trồng thâm canh cải tạo nung chè già cỗi bằng một số giống chè mới và chế biến chè an toàn tại huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang;

- Dự án Tuyên truyền Luật sở hữu trí tuệ trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang;

- Dự án Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Gà đồi Yên Thế” cho sản phẩm gà đồi của huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Dự án xây dựng chỉ dẫn địa lý cho vải thiều Lục Ngạn (pha 2).

Nhìn chung, các dự án triển khai đảm bảo tiến độ và đáp ứng được mục tiêu, nội dung đã đề ra. Trong năm 2011, Sở KH&CN đã tổng hợp đề xuất của các tổ chức, cá nhân để đăng ký với Bộ KH&CN và đã được phê duyệt danh mục 3 dự án cấp nhà nước, gồm:

- Dự án Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển vùng nguyên liệu cỏ ngọt tại tỉnh Bắc Giang, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Dự án Nghiên cứu sản xuất thành phẩm hỗ trợ điều trị giảm đau, chống đau từ cây thuốc Địa liền (*Kaempferia galanga*L.) trồng tại Bắc Giang.

- Dự án Xây dựng mô hình xử lý ô nhiễm làng nghề Phúc Lâm - Việt Yên.

3. Công tác quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ, sáng kiến

- Về quản lý công nghệ: Sở KH&CN đã tổ chức kiểm tra tình hình đầu tư đổi mới công nghệ, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ tại 10 doanh nghiệp đại diện cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Điều tra, cập nhật thông tin về hiện trạng công nghệ tại 100 doanh nghiệp. Tổ chức thẩm tra công nghệ 03 dự án đầu tư. Tổ chức 02 lớp tập huấn về các quy định trong lĩnh vực công nghệ cho 102 doanh nghiệp và hợp tác xã. Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về công nghệ sản xuất gạch, ngói tiên tiến để từng bước loại bỏ sản xuất gạch, ngói thủ công trên địa bàn tỉnh. Xây dựng dự thảo đề án phát triển thị trường công

nghe. Tổ chức tốt khóa học chế biến nông sản sau thu hoạch do chuyên gia nước ngoài giảng dạy (Isaen) cho 57 học viên thuộc các doanh nghiệp, cơ quan quản lý của tỉnh.

- *Về quản lý sở hữu trí tuệ*: Để tiếp tục quảng bá các sản phẩm truyền thống của tỉnh, Sở KH&CN đã hướng dẫn các tổ chức đăng ký, bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho 2 sản phẩm, như vậy đến nay đã có 7 sản phẩm hàng hóa được xác lập các quyền về sở hữu trí tuệ, gồm: chỉ dẫn địa lý Vải thiều Lục Ngạn, nhãn hiệu tập thể Rượu làng Vân - Việt Yên, rượu Kiên Thành - Lục Ngạn, mây tre đan Tăng Tiến - Việt Yên, nếp phỉ điền - Lục Ngạn, mật ong Lục Ngạn, mỳ Kê. Ngoài ra còn nhiều sản phẩm đặc sản của tỉnh đang trong thời gian triển khai xây dựng thương hiệu, như: Gạo thơm Yên Dũng, gà đồi Yên Thế, mỳ Chũ - Lục Ngạn...

Tư vấn, hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá cho 5 cơ sở, doanh nghiệp của tỉnh. Tính đến nay, toàn tỉnh đã có 284/504 đơn xin đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của các doanh nghiệp được cấp văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp, trong đó: sáng chế 1/5 đơn, giải pháp hữu ích 0/2 đơn, kiểu dáng công nghiệp 35/50 đơn, nhãn hiệu hàng hóa 248/447 đơn. Tổ chức 2 cuộc tập huấn nghiệp vụ về SHTT cho các đối tượng là cán bộ quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và các đơn vị thực thi quyền SHTT trên địa bàn tỉnh.

- *Quản lý an toàn bức xạ*: Sở KH&CN đã phối hợp với các cơ quan Trung ương, triển khai thực hiện việc đo đạc, khảo sát đánh giá nguồn phóng xạ tại các khu vực khai thác Đồng, Chì, Kẽm và than đá tại huyện Sơn Động. Tổ chức kiểm tra 30 cơ sở sử dụng thiết bị X-quang trong y tế; hướng dẫn các cơ sở làm thủ tục đăng ký cấp phép mới cho 06 cơ sở và gia hạn cấp phép cho 04 cơ sở, như vậy hiện nay trên địa bàn tỉnh có 42/48 cơ sở đã được cấp giấy phép sử dụng XQuang trong y tế (đạt 88%).

- *Hoạt động quản lý sáng kiến*: Sở KH&CN đã phối hợp với các ngành để tiếp nhận đăng ký và tổng hợp sáng kiến của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, theo kế hoạch các sáng kiến cấp tỉnh sẽ được họp xem xét và công nhận vào tháng 12 năm 2010.

4. Công tác Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng

- *Công tác quản lý Nhà nước*: Công tác quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được tăng cường góp phần bảo vệ quyền lợi cho nhà sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trong tỉnh. Chi cục TCDLCL phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện các chuyên đề tuyên truyền về TCDLCL hướng dẫn người tiêu dùng lựa chọn hàng hoá đảm bảo chất lượng, tránh mua phải hàng giả, hàng nhái.

Hướng dẫn và hỗ trợ 5 doanh nghiệp áp dụng, đánh giá lại Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến ISO 9000 (như vậy đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 37 doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến); hướng dẫn 3 doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; hướng dẫn 8 doanh nghiệp công bố phù hợp tiêu chuẩn, công bố tiêu chuẩn cơ sở. Hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tham gia giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2010.

Thường xuyên phối hợp với các cơ quan: Chi cục quản lý Thị trường, Công an, Trung tâm Y tế dự phòng trong việc kiểm tra đo lường, chất lượng hàng hóa, như: xăng dầu, mũ bảo hiểm xe máy, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, đồ chơi trẻ em... góp phần làm ổn định và tạo cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Tiếp nhận và thông báo kịp thời các các bản tin cảnh báo từ TBT Việt Nam cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; chủ động khai thác các thông tin về TBT xuất bản định kỳ 2 bản tin/ tháng cung cấp tới trên 1.600 lượt doanh nghiệp và mạng lưới TBT; thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu về văn bản pháp luật của tỉnh, trung ương phục vụ nhiệm vụ hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT). Rà soát phân loại các doanh nghiệp, cung cấp các bản tin kịp thời và hiệu quả.

- *Công tác kỹ thuật*: Chi cục TCĐLCL cùng với 5 đơn vị mạng lưới cấp huyện đã kiểm định được 12.844 phương tiện đo các loại, trong đó có 11.228 công tơ điện 1 pha, còn lại là công tơ điện 3 pha, cột bơm xăng dầu, Taximet, huyết áp kế, áp kế. Kiểm nghiệm được 503 mẫu hàng hoá các loại phục vụ công tác quản lý và thanh tra, kiểm tra trên thị trường, trong đó chủ yếu là các mẫu than, mỳ chính, vải thiều; đã phát hiện 16 mẫu mỳ chính giả về chất lượng.

5. Công tác thông tin KH&CN

- Đã biên tập và phát hành 6 số tạp chí KH&CN với số lượng 3000 cuốn, sản phẩm được phát hành tới các tỉnh thành trong cả nước và các điểm bưu điện văn hóa xã trong tỉnh; xuất bản 12 chuyên san KH&CN phục vụ nông thôn miền núi với số lượng 6.000 cuốn, sản phẩm được đông đảo nông dân đón nhận nhằm áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất có hiệu quả; xuất bản 4.800 bản tin chọn lọc phục vụ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trong tỉnh; xuất bản 10.000 cuốn lịch KH&CN phục vụ chỉ đạo sản xuất và đời sống; xuất bản 1.000 quy trình kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi. Phối hợp với Báo Bắc Giang và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng 24 chuyên trang, chuyên mục thông tin, tuyên truyền về các tiến bộ KH&CN áp dụng trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là những chuyên mục tuyên truyền về Luật Sở hữu trí tuệ được phát sóng đều đặn vào thứ 7 hàng tuần đã từng bước nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp và người dân về các hoạt động sở hữu trí tuệ.

- Các hoạt động tin học tiếp tục được thực hiện với việc duy trì với và cập nhật cơ sở dữ liệu vào trang thông tin điện tử của Sở KH&CN trên mạng Internet, trao đổi thông tin với Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học quốc gia; duy trì hoạt động mạng LAN, phần mềm Net Office phục vụ cho công tác điều hành quản lý và truy cập thông tin cho cán bộ. Phối hợp với Hội liên hiệp Thanh niên tỉnh tổ chức thành công cuộc thi tin học trẻ tỉnh Bắc Giang lần thứ XII.

6. Công tác thanh tra, kiểm tra KH&CN

Nhằm góp phần đấu tranh chống gian lận thương mại, tránh mua phải hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, bảo vệ lợi ích chính đáng người tiêu dùng, Thanh tra Sở đã chủ trì phối hợp với các ngành như: Công an, Công thương, Y tế... tổ chức 3 cuộc thanh tra về TCĐLCL, an toàn bức xạ tại 68 cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức thanh tra 2 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh. Nhìn chung

các tổ chức, cá nhân, chủ nhiệm đề tài, dự án chấp hành tốt pháp luật và các quy định của nhà nước, không có đơn vị nào bị xử phạt vi phạm hành chính.

Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư được duy trì thường xuyên hàng tháng, Thanh tra Sở KH&CN đã giải quyết dứt điểm 3 đơn thư khiếu nại, tố cáo về vi phạm kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hóa.

7. Hoạt động KH&CN cơ sở

- *Hoạt động KH&CN các huyện, thành phố* : Sau khi ổn định tổ chức, các phòng quản lý nhà nước về KH&CN các huyện, thành phố đã thường xuyên tuyên truyền, tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ nông dân xây dựng 24 mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN; mô hình cánh đồng có thu nhập cao. Bằng nguồn vốn sự nghiệp khoa học được cấp, các cơ quan quản lý KH&CN ở các huyện, thành phố đã tổ chức được trên 100 lớp tập huấn TBKT, như: Kỹ thuật trồng và chăm sóc giống lúa chất lượng cao, trồng cây màu chịu hạn; rau chế biến, sản xuất nấm ăn, nuôi lợn rừng sinh sản, gà thả vườn đồi, gà chuyên trứng ... cho trên 7 ngàn lượt người tham gia. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và đài truyền thanh địa phương đưa 360 tin, bài về hoạt động khoa học và công nghệ. Phối hợp với các bộ phận nghiệp vụ của Sở tiến hành 20 cuộc thanh tra, kiểm tra về TC- ĐL- CL và sở hữu trí tuệ. Hoạt động tại 42 điểm cân đối chứng trên địa bàn các huyện, thành phố được duy trì, tuy nhiên trong thời gian tới cần có những đổi mới trong quản lý để hoạt động cân đối chứng được phát huy hiệu quả hơn.

- *Hoạt động KH&CN các ngành*: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN do Sở KH&CN cấp, đã có 13 ngành của tỉnh (nơi thành lập Hội đồng KH&CN) đã triển khai thực hiện 45 đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở. Trong đó ngành công - thương, ngành nông nghiệp có nhiều kết quả nghiên cứu- ứng dụng tốt; ngành y tế có trong phong trào nghiên cứu khoa học sôi nổi, với 15 đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở. Qua kiểm tra, nhìn chung các đề tài, dự án được Thường trực Hội đồng KH&CN các ngành chỉ đạo thực hiện đảm bảo tiến độ, tổ chức quản lý, kiểm tra đúng quy định.

8. Một số nhiệm vụ công tác khác

- Sở KH&CN đã tổ chức tốt việc giao chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sự nghiệp KH&CN cho các phòng, đơn vị thuộc sở, UBND các huyện, thành phố và một số ngành của tỉnh; thường xuyên sở kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, chương trình công tác; duy trì công tác cải cách hành chính, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Công tác bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ, xét nâng lương hàng năm, cử cán bộ đi học tập kinh nghiệm tỉnh bạn; thực hiện tuyển chọn cán bộ lãnh đạo của 2 trung tâm thuộc Sở. thực hiện các báo cáo định kỳ, đột xuất, thi đua khen thưởng, văn thư- lưu trữ; tăng cường cơ sở vật chất thiết bị phục vụ công tác, thanh quyết toán các nguồn kinh phí,... được quan tâm thực hiện tốt. Việc tiếp nhận, trả hồ sơ tại bộ phận "một cửa" của cơ quan được quan tâm, đã có 24 hồ sơ của các tổ chức, cá nhân được tiếp nhận, xử lý đảm bảo đúng thời gian quy định.

- *Về công tác đào tạo và hợp tác quốc tế*: Đã có 139 lượt cán bộ của Sở được cử tham gia các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ KH&CN; có 6 lượt cán bộ

của Sở KH&CN được cử đi học tập kinh nghiệm về quản lý khoa học công nghệ tại Isaen, Trung Quốc, Hàn Quốc, Hungary.

- Về công tác thi đua khen thưởng: Năm 2010 Sở KH&CN được nhận Cờ thi đua của Bộ KH&CN, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, dẫn đầu phong trào thi đua khu vực miền núi phía Bắc. Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2006 - 2010.

- Với tinh thần "Tương thân, tương ái" trong những ngày giáp tết Nguyên đán, Sở KH&CN đều tổ chức thăm hỏi động viên và tặng quà, quần áo, sách vở cho các hộ gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn tại xã Vô Tranh, huyện Lục Nam. Đây là 1 trong các xã khó khăn của tỉnh được Sở KH&CN nhận giúp đỡ; trong vài năm trở lại đây điều kiện kinh tế - xã hội của xã đã khá hơn, trong đó có sự đầu tư hỗ trợ kinh phí áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật của Sở KH&CN.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, hoạt động KH&CN năm 2010 còn một số khó khăn, tồn tại, đó là:

- Việc tuyển chọn các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được thực hiện được theo phương thức đấu thầu, tinh thần của Luật Khoa học và Công nghệ chưa được nhiều.

- Sự phối kết hợp giữa các ngành trong hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là triển khai các chương trình khoa học và công nghệ có quy mô lớn còn ít. Nhiều đề tài, dự án có kết quả nghiên cứu, nhưng việc tổ chức nhân rộng còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế.

- Công tác xã hội hoá trong hoạt động khoa học và công nghệ làm chưa được nhiều nên chưa khơi dậy có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ trong xã hội, chưa tạo ra được các phong trào sâu rộng phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Số lượng sáng kiến cấp tỉnh đăng ký hạn chế. Những bài viết mang tính chủ đạo trong Tạp chí KH&CN còn ít.

- Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động khoa học và công nghệ ở các huyện thiếu cán bộ chuyên trách (riêng huyện Hiệp Hòa đã bố trí được 01 cán bộ chuyên trách về KH&CN). Số cán bộ có trình độ chuyên sâu về nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ, nhất là ở tuyến cơ sở còn yếu.

- Đầu tư xã hội nói chung cũng như đầu tư về ngân sách cho sự nghiệp khoa học và công nghệ có tăng song chưa đáp ứng được yêu cầu. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu thốn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ KH&CN NĂM 2011

1. Phương hướng

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7(Khoá X) về nông nghiệp - nông dân và nông thôn; Chương trình hành động thực hiện Thông báo

Kết luận số 234-TB/TU ngày 01/4/2009 của Bộ Chính trị về KH&CN. Xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh đến năm 2020.

- Tiếp tục ổn định tổ chức bộ máy tổ chức hoạt động của Sở KH&CN; xây dựng, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống bộ máy làm công tác khoa học - công nghệ từ tỉnh đến các huyện, thành phố nhằm đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp phát triển khoa học - công nghệ. Tập trung xây dựng trụ sở, cơ sở vật chất kỹ thuật của 2 trung tâm thuộc Sở.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức KH&CN phổ biến các qui định của pháp luật về KH&CN. Tiếp tục xây dựng các văn bản qui phạm pháp luật nhằm tăng cường đổi mới cơ chế chính sách; khuyến khích và tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động về sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm đẩy mạnh công tác xã hội hoá trong các hoạt động KH&CN.

- Tiếp tục tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ. Đẩy mạnh nghiên cứu, vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các vấn đề về khoa học xã hội và nhân văn, an ninh quốc phòng ở địa phương nhằm phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tổ quốc. Tăng cường ứng dụng khoa học-công nghệ, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp cũng như dịch vụ nhằm tăng năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá sản xuất trong tỉnh. Chú trọng chuyên gia khoa học - công nghệ tới các doanh nghiệp, các xã khó khăn trong tỉnh. Tiếp tục triển khai ứng dụng các thành tựu về công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; tạo sản phẩm KH&CN của tỉnh, xây dựng thương hiệu hàng hóa cho các sản phẩm đặc sản của tỉnh. Tăng cường công tác quản lý tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, bảo vệ người tiêu dùng.

- Thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng 50 năm thành lập ngành KH&CN Bắc giang. Phát huy tốt vai trò quản lý hoạt động khoa học công nghệ của các cơ quan nhà nước, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cầu nối chuyên gia thành tựu khoa học trong nghiên cứu vào thực tiễn đời sống của các cơ quan ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ.

2. Nhiệm vụ

2.1. Công tác tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh

Tiếp tục tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh trong việc hoàn thiện cơ chế, chính sách về KH&CN, bao gồm:

- Ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ; cơ chế phối hợp giữa các ngành trong việc ứng dụng, nhân rộng kết quả các đề tài, dự án KH&CN.

- Ban hành đề án chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh đến năm 2020.

- Ban hành đề án xây dựng và phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh.

2.2. Hoạt động nghiên cứu- ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống

- Trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và phát triển nông thôn: Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các hoạt động nghiên cứu ứng dụng phục vụ Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hoá gắn với xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Đưa nhanh việc ứng dụng tiến bộ KHKT, các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh phù hợp với từng vùng sinh thái địa phương. Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình cánh đồng có thu nhập cao (trên 100 triệu đồng/ha/năm). Ứng dụng các giống cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày,... có năng suất cao, chất lượng tốt, có giá trị kinh tế (ưu tiên cho nhóm cây hàng hoá của tỉnh); áp dụng các công thức luân canh, các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến phù hợp với địa phương; nghiên cứu phát triển các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế; xây dựng và nhân rộng mô hình ứng dụng KH&CN nhằm phát triển chăn nuôi hộ gia đình sản xuất hàng hoá; xác định các loại cây lâm nghiệp có hiệu quả kinh tế cao thay thế các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp; nghiên cứu phát triển một số cây bản địa có giá trị kinh tế, cây dược liệu; bảo tồn quỹ gen các loài động thực vật quý hiếm trên địa bàn tỉnh.

Ứng dụng công nghệ sinh học và một số tiến bộ kỹ thuật để phục vụ trực tiếp sản xuất và đời sống nhân dân ở nông thôn như: Sản xuất nấm ăn, ứng dụng chế phẩm sinh học trong trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ môi trường.

- Trong lĩnh vực công nghiệp - TTCN: Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tổ chức nghiên cứu, ứng dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các hàng hoá sản xuất trong tỉnh trên thị trường. Tiếp tục xây dựng thương hiệu một số hàng hoá đặc sản của tỉnh. Tập trung nghiên cứu, ứng dụng KH&CN ở quy mô vừa và nhỏ về bảo quản, chế biến nông lâm sản; phát triển công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, hoá chất trên cơ sở sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản của địa phương.

Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới trong chế biến, bảo quản nông, lâm sản, thực phẩm, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, gốm Thổ Hà - Việt Yên, gốm Tư Mại - Yên Dũng và một số sản phẩm công nghiệp khác, sản phẩm truyền thống; ứng dụng công nghệ năng lượng mới, tiết kiệm năng lượng; hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng KH&CN, đổi mới công nghệ nâng cao chất lượng một số sản phẩm phục vụ địa bàn nông nghiệp, nông thôn.

- Lĩnh vực Văn hoá- xã hội - An ninh quốc phòng: Nghiên cứu, ứng dụng KH&CN nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo; ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu KH&CN trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân. Đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực KH&NV, tổng kết thực tiễn, xây dựng các luận cứ khoa học cho các chủ trương, phương thức đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng. Xây dựng cơ sở khoa học phục vụ cho việc quy hoạch, khai thác tiềm năng, lợi thế và phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang.

- Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân: Nghiên cứu-triển khai ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh; nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế; đề xuất các giải pháp điều trị bệnh kết hợp giữa y học hiện

đại và y học cổ truyền; các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; xây dựng và phát triển mô hình quản lý sức khoẻ và bệnh tật ở cộng đồng; nhân rộng mô hình phát triển nguồn dược liệu có giá trị của tỉnh; sản xuất và thử nghiệm các bài thuốc, phương thuốc y học cổ truyền trong việc hỗ trợ điều trị một số bệnh do ảnh hưởng của môi trường.

2.3. Công tác quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ

- Đẩy mạnh việc tổ chức hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ đối với các dự án đầu tư trong tỉnh. Tăng cường quản lý các hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định, tư vấn và quản lý các hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn.

- Xây dựng các biện pháp phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất. Tổ chức quản lý, theo dõi, tổng hợp và tuyên truyền phổ biến các sáng kiến nhằm áp dụng rộng rãi vào sản xuất và đời sống. Hướng dẫn các đơn vị và cá nhân tham gia công tác SHTT và triển khai biện pháp bảo vệ quyền SHTT, hỗ trợ một số địa phương, doanh nghiệp xây dựng thương hiệu hàng hoá của địa phương, doanh nghiệp. Thực hiện các dự án thuộc Chương trình 68 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp.

- Triển khai công tác thẩm định an toàn bức xạ và cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tia X dùng trong y tế cho các cơ sở hoạt động. Tổ chức quản lý, theo dõi và tổng hợp định kỳ tình hình các thiết bị bức xạ, các nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ và các hoạt động bức xạ. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và kiến thức về SHTT và ATBX đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2.4. Công tác quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Rà soát, thống kê các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh (tập trung vào những doanh nghiệp sản xuất, những doanh nghiệp có sản phẩm thuộc đối tượng quản lý của ngành), phân loại các doanh nghiệp để xem xét, hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, chứng nhận hợp chuẩn. Phối hợp chặt chẽ với các Sở quản lý chuyên ngành tổng hợp các doanh nghiệp công bố hợp chuẩn, chứng nhận hợp chuẩn; đánh giá chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.

- Tiếp tục tăng cường phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện hoạt động chứng nhận, công nhận, công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá và công bố hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn; hỗ trợ từ 5 đến 7 doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO 9000, ISO 14.000, SA8000...). Quản lý chặt chẽ chất lượng hàng hoá cả trong sản xuất và lưu thông. Chủ động khai thác các thông tin về TBT, xuất bản định kỳ 02 bản tin/ tháng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thị trường về việc đảm bảo chất lượng và ghi nhãn; kiểm tra chất lượng hàng tết Nguyên Đán, tết Trung thu...nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Duy trì mạng lưới kiểm định, hiệu chỉnh phương tiện đo trên địa bàn các huyện. Duy trì hoạt động cân đối chứng ở tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh.

2.5. Công tác Tin học và thông tin KH&CN

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến kiến thức KH&CN, nhất là việc ứng dụng các TBKT phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nâng cao chất lượng các ấn phẩm tạp chí KH&CN, lịch khoa học, thông tin kinh tế KH&CN phục vụ lãnh đạo, quản lý, thông tin công nghệ ứng dụng TBKT tại địa phương. Xây dựng trụ sở, cơ sở vật chất Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN đủ mạnh đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 58-CT/TW của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNTT phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho CNTT; xây dựng và ứng dụng các chương trình phần mềm phù hợp trong từng lĩnh vực. Duy trì áp dụng, phát huy hiệu quả phần mềm quản lý Net office trong toàn Sở.

2.6. Công tác ứng dụng, chuyển giao KH&CN

- Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ KH&CN; lựa chọn áp dụng nhân rộng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, phù hợp vào địa bàn tỉnh. Tiếp tục thử nghiệm một số giống cây trồng, vật nuôi mới; thử nghiệm các giải pháp kỹ thuật tăng năng xuất cây trồng vật nuôi và các giải pháp kỹ thuật trong xử lý môi trường.

2.7. Công tác thanh tra KH&CN

Phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan ở địa phương phổ biến, quán triệt các văn bản quy định pháp luật về thanh tra nói chung và thanh tra KH&CN nói riêng. Xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra trên các lĩnh vực theo chức năng quản lý của ngành có trọng tâm, trọng điểm và đạt hiệu quả. Chú trọng tới công tác thanh tra về đo lường, chất lượng xăng dầu, thanh tra về sở hữu công nghiệp; thanh tra, kiểm tra về chất lượng hàng hoá (nhất là trong dịp Tết nguyên đán), thanh tra kết quả thực hiện một số đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; thanh tra việc chấp hành Luật KH&CN của một số tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Nâng cao năng lực hoạt động của các Trung tâm ứng dụng chuyển giao công nghệ ở địa phương (Hiệp Hòa, Tân Yên).

2.8. Hoạt động KH&CN cấp huyện

Đẩy mạnh hoạt động tư vấn của Hội đồng KH&CN cấp huyện trong việc định hướng, lựa chọn các TBKT áp dụng vào địa phương. Tăng cường công tác ứng dụng chuyển giao KH&CN, đặc biệt trong lĩnh vực nông-lâm nghiệp và phát triển nông thôn. Tiếp tục thực hiện các mô hình ứng dụng tiến bộ KHKT mới nhằm nâng cao hiệu quả của sản. Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa huyện, thành phố với các bộ phận chuyên môn của Sở để làm tốt công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực KH&CN, TCĐLCL, thanh tra...

3. Các giải pháp

- Tăng cường phối hợp giữa các huyện, ngành, tranh thủ và phối hợp sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong việc đẩy mạnh các hoạt động

KH&CN trên địa bàn. Xây dựng các Chương trình hành động theo Nghị quyết Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, theo Chương trình hành động thực hiện Thông báo Kết luận số 234-TB/TU của Bộ Chính trị. Nâng cao chất lượng tuyển chọn và nghiệm thu kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học. Tổ chức các hội đồng và thực hiện việc tuyển chọn đề tài, dự án theo tinh thần của Luật Khoa học và công nghệ và các qui định của Bộ KH&CN.

- Tiếp tục tăng cường sự hợp tác trong lĩnh vực KH&CN với các sở, ban ngành các tổ chức KH&CN trong tỉnh; các trường đại học, các viện, các trung tâm nghiên cứu ở trung ương, các tổ chức KH&CN nước ngoài nhằm thu hút tiềm lực KH&CN, lựa chọn các thành tựu KH&CN ứng dụng vào địa phương, lựa chọn các đầu tư và hợp tác quốc tế.

- Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

V. ĐỀ NGHỊ

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ KH&CN đặt ra trong năm 2011, Sở Khoa học và Công nghệ có một số đề nghị, như sau:

- Bố trí 1 cán bộ biên chế chuyên trách làm công tác quản lý KH&CN ở mỗi huyện, thành phố, ngành.

- Đề nghị Bộ KH&CN, UBND tỉnh tiếp tục xem xét phê duyệt cho triển khai mới các dự án thuộc chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi tại tỉnh Bắc Giang đã đăng ký.

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục tạo điều kiện để triển khai và hoàn thành tốt việc xây dựng trụ sở của 2 đơn vị sự nghiệp: Trung tâm ứng dụng Tiến bộ KH&CN; Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN.

- Đề nghị được tăng mức đầu tư kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh đảm bảo đạt tỷ lệ trên 1% so với tổng chi ngân sách toàn tỉnh để có điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ và thực hiện các dự án thuộc Chương trình nông thôn, miền núi . /.

Nơi nhận:

- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh (b/c);
 - Bộ KH&CN (b/c);
 - Ban Tuyên giáo TU, CA tỉnh (Phòng PA17),
Sở KH&ĐT, Cục Thống kê;
 - Lưu: VT, TH.
- Bản điện tử:
- Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh (b/c);
 - Ban Tuyên giáo TU, Sở KH&ĐT; Cục Thống kê;
 - Lãnh đạo Sở;
 - Các phòng, đơn vị thuộc Sở (t/h).

GIÁM ĐỐC



Hà Văn Quê



BẢNG ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI

Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý KH&CN ở các huyện, thành phố năm 2010

(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-KHCN ngày 19/11/2010 của Sở KH&CN)

TT	Tên đơn vị	Xếp loại				Ghi chú
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	
1	Phòng Kinh tế Thành phố Bắc Giang	X				
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Lạng Giang	X				
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Việt Yên		X			
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hiệp Hoà		X			
5	Phòng Nông nghiệp huyện Lục Nam		X			
6	Phòng Nông nghiệp huyện Yên Dũng		X			
7	Phòng Nông nghiệp huyện Lục Ngạn		X			
8	Phòng Nông nghiệp huyện Yên Thế		X			
9	Phòng Nông nghiệp huyện Tân Yên		X			
10	Phòng Nông nghiệp huyện Sơn Động		X			
11	Trung tâm KHCN&MT huyện Hiệp Hoà		X			
12	Trung tâm KHCN&MT huyện Tân Yên		X			